

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG
Số: 01/TTTTK/TCTHADS-CTCP26

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự; Quyết định số 19/2023/QĐ-TTg ngày 02/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-BTP ngày 13/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung năm 2024 của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-BTP ngày 15/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TCTHADS ngày 18/7/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt dự toán mua sắm “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 941/QĐ-TCTHADS ngày 01/8/2024 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-TCTHADS ngày 06/9/2024 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024;

Căn cứ Hồ sơ dự thầu gói thầu “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024 của Công ty Cổ phần 26;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện Thỏa thuận khung mua sắm tập trung gói thầu “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024.

Hôm nay, ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp; số 58 - 60 Trần Phú, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A)

Tên đơn vị : Tổng cục Thi hành án dân sự;
 Địa chỉ : Số 58-60 Trần Phú, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội;
 Mã số quan hệ với NSNN: 1108572
 Điện thoại : 024 6273 9621
 Đại diện : Bà Trần Thị Phương Hoa, Chức vụ: Phó Tổng cục trưởng

II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B)

Tên đơn vị : Công ty Cổ phần 26;
 Địa chỉ : Đường Hội Xá, Tổ 5. Phúc Lợi, quận Long Biên, TP.Hà Nội
 Điện thoại : 02438.751461 Fax: 02438.751460
 Mã số thuế : 0100108818
 Số tài khoản : 02000 2692873
 Tại : Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, CN Long Biên, Hà Nội
 Đại diện : Ông Trịnh Xuân Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên thương thảo, thống nhất cụ thể một số nội dung trong Thỏa thuận khung mua sắm tập trung (sau đây gọi là Thỏa thuận khung) gói thầu: “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024 với các nội dung như sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

1. Tên hàng hóa
Là trang phục; phù hiệu, cấp hiệu Thi hành án dân sự (sau đây gọi là hàng hóa). Chi tiết thông số kỹ thuật hàng hóa theo Phụ lục 01 kèm theo.
2. Bảng kê số lượng hàng hóa theo Phụ lục 02 kèm theo.

Điều 2. Danh sách các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa
(Chi tiết tại Phụ lục 02)

Điều 3. Giá hàng hóa

Tổng giá tiền của Thỏa thuận khung: **18.208.860.588 đồng**
(Bằng chữ: Mười tám tỷ, hai trăm linh tám triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng).

Cụ thể:

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Quần áo thu đông	Bộ	2.898	1.128.600	3.270.682.800
2	Áo khoác chống rét mùa đông	Chiếc	4.581	834.300	3.821.928.300
3	Quần áo xuân hè mặc ngoài	Bộ	9.172	490.860	4.502.167.920
4	Áo sơ mi dài tay	Chiếc	12.173	186.408	2.269.144.584
5	Coravat	Chiếc	9.598	63.720	611.584.560
6	Mũ kêpi	Chiếc	4.799	137.160	658.230.840
7	Mũ bảo hiểm THA	Chiếc	2.983	324.000	966.492.000
8	Lễ phục mùa đông	Bộ	657	1.555.200	1.021.766.400
9	Mũ kêpi lễ phục	Chiếc	657	137.160	90.114.120
10	Lễ phục mùa hè	Bộ	458	1.051.920	481.779.360
11	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Phó Tổng cục trưởng	Chiếc	10	45.900	459.000
12	Cấp hiệu trên ve áo - Phó Tổng cục trưởng	Chiếc	10	29.916	299.160
13	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân - CHV Trung cấp	Chiếc	986	69.984	69.004.224
14	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân - CHV Sơ cấp	Chiếc	54	69.984	3.779.136
15	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Cục Thi hành án dân sự - Thẩm tra viên, Chuyên viên và tương đương	Chiếc	126	69.984	8.817.984
16	Cấp hiệu trên ve áo - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân - CHV Trung cấp	Chiếc	986	29.916	29.497.176
17	Cấp hiệu trên ve áo - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân - CHV Sơ cấp	Chiếc	54	29.916	1.615.464

18	Cấp hiệu trên ve áo - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Cục Thi hành án dân sự - Thẩm tra viên, Chuyên viên và tương đương	Chiếc	126	29.916	3.769.416
19	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Công chức khác và người lao động hợp đồng - CHV Cao cấp	Chiếc	10	40.824	408.240
20	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Công chức khác và người lao động hợp đồng -CHV Sơ cấp	Chiếc	2.084	40.824	85.077.216
21	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Công chức khác và người lao động hợp đồng - Thẩm tra viên cao cấp, Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chiếc	6	40.824	244.944
22	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Công chức khác và người lao động hợp đồng - Thẩm tra viên, Chuyên viên và tương đương	Chiếc	2.412	40.824	98.467.488
23	Cấp hiệu trên cầu vai áo - Công chức khác và người lao động hợp đồng - Công chức khác; Hợp đồng 68/161	Chiếc	2.766	40.824	112.919.184
24	Cấp hiệu trên ve áo - Công chức khác và người lao động - CHV Cao cấp	Chiếc	10	13.824	138.240
25	Cấp hiệu trên ve áo - Công chức khác và người lao động - CHV Sơ cấp	Chiếc	2.084	13.824	28.809.216
26	Cấp hiệu trên ve áo - Công chức khác và người lao động - Thẩm tra viên cao cấp, Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chiếc	6	13.824	82.944
27	Cấp hiệu trên ve áo - Công chức khác và người lao động - Thẩm tra viên, Chuyên viên và tương đương	Chiếc	2.412	13.824	33.343.488
28	Cấp hiệu trên ve áo - Công chức khác và người lao động - Công chức khác; Hợp đồng 68/161	Chiếc	2.766	13.824	38.237.184
Tổng					18.208.860.588

Giá trên đã bao gồm Thuế GTGT, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan.

Điều 4. Thanh toán Thỏa thuận khung

1. Thời hạn và phương thức thanh toán

Các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa cho Bên B theo đúng thời hạn, phương thức thanh toán quy định trong Hợp đồng mua sắm hàng hóa và phù hợp với loại hợp đồng trọn gói.

2. Tài khoản thanh toán

Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần 26

Tài khoản: 02000 2692873

Tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, CN Long Biên, Hà Nội

Điều 5. Thanh lý Thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung được nghiệm thu, thanh lý khi Bên A nhận được đầy đủ Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa được ký giữa Bên B và đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Việc nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng mua sắm hàng hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật và Hợp đồng mua sắm hàng hóa đã ký giữa Bên B và đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm hàng hóa. Theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và đề xuất của Hồ sơ dự thầu.

Điều 6. Thời gian, địa điểm bàn giao hàng hóa

1. Thời gian bàn giao trang phục: Tối đa 110 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

2. Địa điểm bàn giao hàng hóa (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).

Điều 7. Bảo hành

1. Điều kiện bảo hành

- Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Toàn bộ hàng hóa cung cấp theo Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa phải được bảo hành theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và đề xuất của Hồ sơ dự thầu.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng được tính từ thời điểm ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu giữa Bên B với đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa. Bên B có trách nhiệm cung cấp hoặc thanh toán các dịch vụ bảo hành, bao gồm việc khắc phục sự cố hàng hóa do lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

2. Khi phát sinh hư hỏng, sự cố của hàng hóa trong thời hạn bảo hành, đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa sẽ thông báo cho Bên B qua điện thoại hoặc bằng văn bản (fax) mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn cách xử lý.

Trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa, Bên B phải cử cán bộ kỹ thuật đến kiểm tra, xử lý hoặc nhận hàng hóa đi khắc phục các lỗi như bung chỉ, tuột khuy, hỏng khóa...Việc kiểm tra, khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

3. Trường hợp quá thời hạn cam kết có mặt tại địa điểm của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa để sửa chữa, khắc phục sự cố mà Bên B vẫn vắng mặt hoặc Bên B không thể sửa chữa, khắc phục sự cố trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa có quyền đưa ra phương án giải quyết. Bên B chi trả mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh được đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa gửi đến để thanh toán. Nếu Bên B không thanh toán trực tiếp khoản tiền này, Bên A sẽ yêu cầu ngân hàng trích từ bảo lãnh bảo hành chuyên vào tài khoản của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa sau khi đơn vị báo cáo bằng văn bản về Bên A. Bên A sẽ yêu cầu ngân hàng thanh toán cho các đơn vị 01 lần/1 quý (nếu có) vào thời điểm cuối mỗi quý.

4. Bảo lãnh bảo hành

- Bên B có nghĩa vụ nộp bảo lãnh bảo hành theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (đơn vị thụ hưởng là Bên A) với giá trị tương đương 3% (ba phần trăm) tổng giá trị Thỏa thuận khung là **546.266.000 VNĐ** (Năm trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) trước khi ký Thanh lý Thỏa thuận khung với Bên A.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh bảo hành.

- Thời hạn giải tỏa bảo lãnh bảo hành: khi đủ 12 tháng kể từ ngày bảo lãnh bảo hành có hiệu lực.

5. Cơ chế thực hiện bảo hành và xử lý các vấn đề liên quan

Việc bảo hành được thực hiện theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và đề xuất của Hồ sơ dự thầu: Khi có hàng hóa cần bảo hành, đơn vị liên hệ trực tiếp với Bên B để Bên B hướng dẫn thủ tục, địa chỉ bảo hành như sau:

Công ty Cổ phần 26

Địa chỉ: Đường Hội Xá, Tổ 5. Phúc Lợi, quận Long Biên, TP.Hà Nội

Số điện thoại liên hệ: 02438.751461/0339.889.966/0988.770.523

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Yêu cầu Bên B xây dựng kế hoạch liên hệ với các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa để ký và thực hiện Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa từ chối tiếp nhận hàng hóa do Bên B cung cấp nếu phát hiện không đúng chủng loại hàng hóa quy định tại Thỏa thuận khung; yêu cầu Bên B khắc phục trong trường hợp giao hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa ngừng thanh toán tiền mua hàng hóa khi có bằng chứng về việc buôn bán lừa dối; có bằng chứng về việc hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp; hoặc có bằng chứng về việc Bên B đã giao hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm hàng hóa. Việc thực hiện kiểm tra hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác của Bên B theo Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Giám sát việc thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa của Bên B trong khuôn khổ của Thỏa thuận khung, tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư, trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Xây dựng kế hoạch, liên hệ với các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa để ký và thực hiện Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Giao hàng hóa và chứng từ liên quan theo đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm và các điều khoản quy định khác của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.

- Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp theo Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Bên B chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển hàng hóa; bốc dỡ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm sử dụng quy định trong Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành điều chỉnh những hàng hóa không phù hợp để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa. Trường hợp Bên B không có khả năng

thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa thanh toán theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong Hồ sơ dự thầu.

- Trong thời hạn bảo hành, Bên B có quyền từ chối bảo hành khi hàng hóa bị hỏng do bị phá hoại, sử dụng không đúng quy cách, hàng hóa đã được can thiệp, sửa chữa bởi đơn vị khác không phải Bên B, lý do thiên tai, chiến tranh.

- Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng mua sắm hàng hóa mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào trong trường hợp đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa có các hành vi vi phạm cơ bản về Hợp đồng.

- Có trách nhiệm lấy số đo với từng công chức, người lao động tại trụ sở các cơ quan được may sắm trang phục.

- Chịu trách nhiệm phát hành Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung.

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng liên quan đến các phần việc của đơn vị trong suốt quá trình thực hiện Thỏa thuận khung.

- Chịu trách nhiệm bàn giao hàng hóa cho các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa; phát hành hóa đơn, tiếp nhận kinh phí thanh toán tiền mua sắm hàng hóa đối với phần hàng hóa do nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp.

- Thực hiện nghĩa vụ khác của nhà thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa

a) Ký kết Hợp đồng mua sắm hàng hóa

Công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung Thỏa thuận khung và ký kết Hợp đồng mua sắm hàng hóa với Bên B trên cơ sở Thỏa thuận khung.

b) Kiểm tra, tiếp nhận hàng hóa

- Từ chối tiếp nhận hàng hóa do Bên B cung cấp nếu phát hiện không đúng chủng loại hàng hóa quy định tại Hợp đồng mua sắm hàng hóa. Yêu cầu Bên B khắc phục trong trường hợp giao hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại địa điểm sử dụng hàng hóa để Bên B tập kết và bàn giao theo kế hoạch, tiến độ đã thỏa thuận trong Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

- Bố trí cán bộ kiểm tra, tiếp nhận bàn giao hàng hóa, hồ sơ tài liệu và tiếp thu hướng dẫn sử dụng.

- Thông báo cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua sắm hàng hóa, kết quả thực hiện Hợp đồng mua sắm hàng hóa, đã ký với Bên B.

c) Thanh toán

- Đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, cụ thể như sau:

+ Các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa thanh toán bằng chuyển khoản 01 lần cho nhà thầu sau khi nhà thầu hoàn thành việc thực hiện hợp đồng trong vòng không quá 15 ngày, kể từ ngày nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp tạm ứng tiền: Số tiền tạm ứng không quá 30% giá trị hợp đồng. Nhà thầu phải nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa cho nhà thầu ngay sau khi nhà thầu xuất trình văn bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, trong đó xác nhận nhà thầu đã cung cấp đầy đủ trang phục theo thỏa thuận của hợp đồng.

Số tiền còn lại đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa sẽ thanh toán cho nhà thầu chậm nhất trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhà thầu xuất trình đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật.

- Ngừng thanh toán tiền mua hàng hóa khi có bằng chứng về việc Bên B lừa dối, có bằng chứng về việc hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp, hoặc có bằng chứng về việc Bên B đã giao hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

Điều 9. Thời hạn có hiệu lực của Thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung là cơ sở để đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa với Nhà thầu cung cấp hàng hóa.

- Thỏa thuận khung có hiệu lực sau 03 ngày kể từ ngày hai bên ký Thỏa thuận khung mua sắm hàng hóa.

- Trong vòng 3 ngày, kể từ ngày hai bên ký Thỏa thuận khung, bên B phải cung cấp bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với giá trị và thời hạn hiệu lực như sau:

+ Giá trị bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa: 5% giá trị Thỏa thuận khung, với số tiền: **910.443.000 VNĐ** (Chín trăm mười triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

+ Thời hạn hiệu lực: 110 ngày kể từ ngày phát hành Bảo lãnh thực hiện Thỏa thuận khung. Nếu sau 110 ngày mà hai bên chưa ký nghiệm thu thanh lý Thỏa thuận khung thì Bên B phải tiến hành gia hạn bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung

cho đến khi nghiệm thu thanh lý Thỏa thuận khung và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo lãnh bảo hành theo quy định.

- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa trong trường hợp sau đây:

+ Từ chối thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa khi Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa có hiệu lực.

+ Vi phạm Thỏa thuận trong thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

+ Thực hiện Hợp đồng mua sắm hàng hóa chậm tiến độ do lỗi của Bên B nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa.

Điều 10. Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung

- Trường hợp một bên vi phạm Thỏa thuận khung gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Mức bồi thường thiệt hại xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trường hợp Bên B vi phạm Thỏa thuận khung thì ngoài việc phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên A, Bên B sẽ không được hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa theo quy định tại Điều 9 của Thỏa thuận khung.

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án và giải quyết của Tòa án là cơ sở để các bên thực hiện.

Điều 11. Các nội dung liên quan khác

1. Hồ sơ Thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên

1.1. Thỏa thuận khung bao gồm Thỏa thuận khung và các tài liệu kèm theo

1.2. Các tài liệu kèm theo Thỏa thuận khung là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Hồ sơ mời thầu gói thầu “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024;

c) Hồ sơ dự thầu gói thầu: “May sắm trang phục, phù hiệu, cấp hiệu” cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2024;

d) Biên bản hoàn thiện Thỏa thuận khung số 01/TTTTK/TCTHADS-CTCP26 ngày 11/9/2024;

đ) Thông báo chấp nhận hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung;

e) Các Phụ lục kèm theo Thỏa thuận khung;

g) Các tài liệu khác có liên quan.

1.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Thỏa thuận khung theo thứ tự quy định tại Khoản 1.2 Điều này.

2. Các nội dung liên quan khác

- Luật điều chỉnh Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm hàng hóa là luật Việt Nam.
- Thỏa thuận khung này bao gồm các Phụ lục đính kèm sau:
 - + Phụ lục 01: Thông số kỹ thuật hàng hóa;
 - + Phụ lục 02: Số lượng, danh sách các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm hàng hóa và địa điểm giao hàng hóa;
 - + Phụ lục 03: Hợp đồng mua sắm hàng hóa;
 - + Phụ lục 04: Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hóa;
 - + Phụ lục 05: Thanh lý Hợp đồng mua sắm hàng hóa;

Thỏa thuận khung này được làm thành 10 (mười) bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 05 (năm) bản, bên B giữ 04 (bốn) bản, Cục kế hoạch - Tài chính Bộ Tư pháp giữ 01 (một) bản./.

Thỏa thuận khung này là cơ sở để đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa ký hợp đồng mua sắm hàng hóa với nhà thầu cung cấp hàng hóa./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP HÀNG HÓA**



Trịnh Xuân Hiếu

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
MUA SẮM TẬP TRUNG
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Trần Thị Phương Hoa